

Số: /2021/NQ-HĐND

Bình Phước, ngày tháng năm 2021

**DỰ THẢO  
Lần 2**

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp sạch,  
hỗ trợ hợp tác xã của tỉnh Bình Phước.**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC  
KHOÁ ... KỲ HỌP THỨ ...**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2019;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ  
và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;  
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015;  
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Hợp tác xã năm 2012;  
Căn cứ Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của  
Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực  
hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;  
Căn cứ Nghị định số 83/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ  
về Khuyến nông;  
Căn cứ Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của  
Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ;  
Căn cứ Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2020 của Thủ  
tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn  
2020-2030;  
Căn cứ Quyết định số 738/QĐ-BNN-KHCN ngày 14/3/2017 của Bộ Nông  
nghiệp và PTNT quy định Tiêu chí xác định Chương trình, dự án nông nghiệp  
ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, danh mục công nghệ cao ứng dụng  
trong nông nghiệp;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2021 của Ủy ban nhân dân  
tỉnh; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND-KTNS ngày tháng năm 2021*

*của Ban Kinh tế ngân sách; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.....,*

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

#### 1) Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp sạch, hỗ trợ hợp tác xã nông nghiệp của tỉnh Bình Phước.

b) Tập trung các nguồn lực của tỉnh, địa phương và tranh thủ các nguồn lực bên ngoài thực hiện nghị quyết này.

c) Các nội dung khác không quy định trong Nghị quyết này thực hiện theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan được tỉnh, trung ương quy định.

#### 2) Đối tượng áp dụng

a) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (sau đây gọi chung là hợp tác xã) và các thành viên.

b) Doanh nghiệp tham gia liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ với hợp tác xã theo chuỗi giá trị.

#### 3) Giải thích từ ngữ

a) Sản xuất nông nghiệp sạch được hiểu là: (1) sản xuất ra sản phẩm nông sản an toàn thuộc các đối tượng nêu tại khoản 2 Điều 1 sản xuất cung ứng ra thị trường các sản phẩm có đủ điều kiện an toàn thực phẩm; áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt hoặc tương đương mà pháp luật Việt Nam ký, công nhận; đảm bảo thân thiện với môi trường, sức khỏe cộng đồng và được hiểu là các loại hình sản xuất như: sản xuất theo tiêu chuẩn VietGap, VietHGap, hữu cơ... ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, tuần hoàn, sinh thái, số hóa...(2) sử dụng giống kháng sâu bệnh, phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật sinh học đối với trồng trọt; giống, thức ăn hữu cơ, thuốc thú y chăn nuôi, thủy sản được cấp có thẩm quyền cho phép, áp dụng theo quy định.

b) Thành viên được hiểu là thành viên của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

c) Hỗ trợ hợp tác xã là tập trung nguồn lực hỗ trợ sản xuất nông nghiệp sạch thông qua các hợp tác xã.

### **Điều 2. Nội dung hỗ trợ sản xuất nông nghiệp sạch**

#### 1) Nội dung hỗ trợ

##### a) Bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo

Nhà nước hỗ trợ tối đa 100% chi phí tài liệu, tiền ăn, đi lại, nơi ở trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập sản xuất nông nghiệp sạch.

##### b) Xác định các vùng, khu vực đủ điều kiện sản xuất nông nghiệp sạch

Nhà nước hỗ trợ tối đa 100% kinh phí để điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí cho các diện tích canh tác, mã vùng trồng, mã cơ sở, cơ sở đóng gói... cho các hợp tác xã, kinh khí do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Cấp giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam, hoặc tương đương mà pháp luật Việt Nam ký, công nhận về nông nghiệp sạch.

Nhà nước hỗ trợ tối đa 100% chi phí một lần (cấp lần đầu hoặc cấp lại) giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam, hoặc tương đương như: Vietgap, Globalgap, hữu cơ, thương mại công bằng, nông nghiệp sinh thái, sản xuất an toàn... cho các trang trại, doanh nghiệp, hợp tác xã, ưu tiên hỗ trợ cho các hợp tác xã, kinh khí do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp

Nhà nước hỗ trợ tối đa 100% chi phí nhưng không quá 50 triệu đồng để xây dựng mô hình về quản lý, quy trình sản xuất, thiết kế, sử dụng mã vùng trồng, tiêu chuẩn chất lượng; thiết kế bao bì, nhãn mác, quy trình đăng ký mã vùng trồng, mã vạch, mua, bán vật tư nông nghiệp, thương mại, thương mại điện tử, đàm phán, thị trường, ứng dụng công nghệ thông tin,... cho các hợp tác xã nông nghiệp, kinh khí do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

e) Chi phí mua bao bì, nhãn mác sản phẩm

Nhà nước hỗ trợ tối đa 100% một chu kỳ sản xuất gồm: chi phí thiết kế, mua tem truy xuất nguồn gốc, bao bì, nhãn mác sản phẩm cho các hợp tác xã nông nghiệp.

g) Chi phí mua giống, thiết bị, vật tư thiết yếu

Nhà nước hỗ trợ tối đa 100% chi phí mua giống, thiết bị, vật tư thiết yếu (một lần) đối với địa bàn xã, thôn, ấp khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới và 50% đối với địa bàn các xã còn lại,

h) Chi phí thực hiện sản xuất ứng dụng công nghệ cao

- Hỗ trợ tối đa không quá 40% chi phí gồm: Nhà màng, máy thiết bị phục vụ sản xuất, ứng dụng công nghệ vào trong sản xuất, kinh khí do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2) Nguyên tắc hỗ trợ

a) Ngân sách cấp tỉnh, huyện, xã hỗ trợ các dự án thuộc nhiệm vụ chi của địa phương và do Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc cơ quan chuyên môn được ủy quyền phê duyệt theo quy định.

b) Đối với dự án có sử dụng vốn viện trợ không hoàn lại, nguồn vốn xã hội hóa, nguồn khác áp dụng theo nội dung, mức hỗ trợ của nhà tài trợ quy định tại thỏa thuận tài trợ hoặc áp dụng theo mức hỗ trợ do đại diện nhà tài trợ, Bộ Tài chính và cơ quan chủ quản dự án thống nhất; trường hợp đại diện nhà tài trợ và Bộ Tài chính chưa có thỏa thuận về mức hỗ trợ thì áp dụng theo mức hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này.

3) Nguồn kinh phí thực hiện:

a) Nguồn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

b) Lồng ghép từ các Chương trình mục tiêu, Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác đang triển khai thực hiện.

c) Nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

d) Các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Ngân sách hỗ trợ cho các đối tượng thuộc Nghị quyết này.

1) Ngân sách nhà nước

a) Từ Chương trình mục tiêu, Chương trình mục tiêu quốc gia và các Chương trình, dự án khác từ trung ương.

b) Từ ngân sách địa phương.

2. Từ các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân đầu tư, hỗ trợ sản xuất nông nghiệp sạch trên địa bàn tỉnh theo quy định.

**Điều 4.** Giao UBND tỉnh xây dựng định mức kỹ thuật cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất nông nghiệp sạch trên địa bàn tỉnh để thực hiện hiệu quả Nghị quyết này.

**Điều 5.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện tổ chức thực hiện Nghị quyết này; giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa ..., kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày... tháng ... năm 2021./.

***Nơi nhận:***

- UBTW Quốc hội, Chính phủ (b/c);
- Các bộ: Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT;
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các ban và VP. Tỉnh ủy;
- UBMTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- VP. Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Đài PTTH, Báo BP, TT Thông tin;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**